

Số: 317 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn; thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung thay thế trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm Lâm trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 05/TTr-SoNNMT ngày 01 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung, thay thế Lâm nghiệp và Kiểm lâm trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. cụ thể:

1. Cấp tỉnh: Sửa đổi 01 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

2. Cấp xã: Sửa đổi 02 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

(Danh mục và nội dung thủ tục hành chính nội bộ kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính công bố nội bộ tại quyết định này bãi bỏ các nội dung thủ tục hành chính nội bộ số thứ tự 59 Phần II; các số thứ tự 92, 103 Phần IV Danh mục thủ tục hành chính nội bộ ngành Nông nghiệp và Môi trường công

bổ tại quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước triển khai rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa; tái cấu trúc xây dựng quy trình điện tử để thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp thủ tục hành chính nội bộ công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Tổ chức niêm yết, công khai TTHC nội bộ tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử của đơn vị; triển khai, quán triệt thực hiện và xử lý hồ sơ theo trình tự, thời gian và nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết được giao theo quy định.

2. Triển khai rà soát đảm bảo đạt tỷ lệ 100% TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý chuyên ngành của đơn vị được đánh giá, đề xuất đơn giản hóa, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét và kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thường xuyên theo dõi, cập nhật các quy định có liên quan đến nội dung TTHC nội bộ để phối hợp, tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét điều chỉnh trong trường hợp TTHC nội bộ công bố tại Quyết định này được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc các quy phạm pháp luật tương ứng được điều chỉnh hoặc ban hành mới.

Điều 4. Văn phòng UBND tỉnh tham mưu tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt quy trình điện tử thực hiện TTHC nội bộ theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ công tác quản trị nội bộ trên môi trường điện tử theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, Công TTĐT tỉnh, KTN, HCTC, HCC.



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, LÂM NGHIỆP VÀ
KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 317 /QĐ-UBND ngày 08 /7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I. CẤP TỈNH				
1	Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Khoản 2 Điều 12 Nghị định 52/2018/NĐ-CP Khoản 4, khoản 5, Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
II CẤP XÃ				
1	- Tên TTHC mới: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức (Tên TTHC cũ: Quyết định cho thuê rừng đối với trường hợp thuê rừng là tổ chức)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 136/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp xã
2	- Tên TTHC mới: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân (Tên TTHC cũ: Quyết định cho thuê rừng đối với trường hợp thuê rừng là hộ gia đình, cá nhân)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Ủy ban nhân dân cấp xã

PHẦN II. NỘI DUNG

A. CẤP TỈNH

1. Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hàng năm căn cứ nhu cầu hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn, UBND xã (Đơn vị được giao quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn), khảo sát, đề xuất dự án gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự toán ngân sách hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt;

Bước 2: Trên cơ sở kinh phí hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn được UBND tỉnh phê duyệt. Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện;

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn xây dựng dự án, dự toán kinh phí và phê duyệt để các đơn vị tổ chức thực hiện theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Đề xuất dự án phát triển ngành nghề nông thôn (Thuyết minh và dự toán).

d) Thời hạn giải quyết: Do UBND cấp tỉnh quyết định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn trên địa bàn, UBND cấp xã.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch, dự toán triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Khoản 4, khoản 5, Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. CẤP XÃ

1. Tên thủ tục: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch cho thuê rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

b) Bước 2: Phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt phương án và giá khởi điểm cho thuê rừng (giá khởi điểm cho thuê rừng được phê duyệt là căn cứ để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng); trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Bước 3: Ký hợp đồng dịch vụ đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt giá khởi điểm cho thuê rừng, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản theo phương án đã được phê duyệt để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng.

d) Bước 4: Tổ chức đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức đấu giá tài sản đã được ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục đấu giá cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về đấu giá và pháp luật có liên quan.

đ) Bước 5: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng. Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức trúng đấu giá cho thuê rừng có trách nhiệm hoàn thành việc nộp tiền thuê rừng vào Kho bạc Nhà nước và chuyển chứng từ đã hoàn thành nộp tiền cho cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã để thực hiện trình tự, thủ tục cho thuê rừng đồng thời với cho thuê đất. Trường hợp quá thời gian quy định phải hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê rừng, tổ chức trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo kết quả trúng đấu giá, cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hủy công nhận kết quả trúng đấu giá.

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng: Phương án đấu giá cho thuê rừng.

b) Hồ sơ công nhận kết quả đấu giá để trình cấp có thẩm quyền cho thuê rừng, gồm:

- Kết quả đấu giá;
- Biên bản đấu giá;
- Danh sách người trúng đấu giá;
- Thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

1.4. Thời hạn giải quyết: 53 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng đối với tổ chức.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phương án đấu giá cho thuê rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

**PHƯƠNG ÁN
Đấu giá cho thuê rừng**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

.....

II. THÔNG TIN KHU RỪNG ĐẤU GIÁ

1. Vị trí, diện tích khu rừng đấu giá

- Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính):.....
- Diện tích (ha):
- Hiện trạng:.....
- Trữ lượng (m³):
- Loài cây (rừng trồng):.....Năm trồng:.....

2. Mục đích, hình thức (cho thuê rừng), thời hạn sử dụng rừng

- Mục đích sử dụng rừng:.....
- Hình thức:.....
- Thời hạn sử dụng:.....

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ

1. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá:.....

2. Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá, mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:

- Đối tượng:.....
- Điều kiện được tham gia đấu giá:.....
- Mức phí tham gia đấu giá:.....
- Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:.....

3. Hình thức và phương thức tổ chức đấu giá

- Hình thức tổ chức đấu giá:.....
- Phương thức tổ chức đấu giá:.....

4. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

- Kinh phí thực hiện:.....

- Nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá:.....

5. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá:

- Dự kiến giá trị thu: - Đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả bán đấu giá.

6. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan xây dựng phương án đấu giá.

2. Tổ chức được lựa chọn thực hiện cuộc bán đấu giá.

3. Các cơ quan có liên quan.....

4. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN XÂY
DỰNG PHƯƠNG ÁN**

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

2. Tên thủ tục: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch cho thuê rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

b) Bước 2: Phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt phương án và giá khởi điểm cho thuê rừng (giá khởi điểm cho thuê rừng được phê duyệt là căn cứ để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng); trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Bước 3: Ký hợp đồng dịch vụ đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt giá khởi điểm cho thuê rừng, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản theo phương án đã được phê duyệt để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng.

d) Bước 4: Tổ chức đấu giá cho thuê rừng Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức đấu giá tài sản đã được ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục đấu giá cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về đấu giá và pháp luật có liên quan.

đ) Bước 5: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng. Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá cho thuê rừng có trách nhiệm hoàn thành việc nộp tiền thuê rừng vào Kho bạc Nhà nước và chuyển chứng từ đã hoàn thành nộp tiền cho cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã để thực hiện trình tự, thủ tục cho thuê rừng đồng thời với cho thuê đất. Trường hợp quá thời gian quy định phải hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê rừng, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo kết quả trúng đấu giá, cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hủy công nhận kết quả trúng đấu giá.

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng: Phương án đấu giá cho thuê rừng.

b) Hồ sơ công nhận kết quả đấu giá để trình cấp có thẩm quyền cho thuê rừng, gồm:

- Kết quả đấu giá;
- Biên bản đấu giá;
- Danh sách người trúng đấu giá;
- Thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

2.4. Thời hạn giải quyết: 53 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phương án đấu giá cho thuê rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai

- Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm

**PHƯƠNG ÁN
Đấu giá cho thuê rừng**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

.....

II. THÔNG TIN KHU RỪNG ĐẤU GIÁ

1. Vị trí, diện tích khu rừng đấu giá

- Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính):.....

- Diện tích (ha):

- Hiện trạng:.....

- Trữ lượng (m³):

- Loài cây (rừng trồng):.....Năm trồng:.....

2. Mục đích, hình thức (cho thuê rừng), thời hạn sử dụng rừng

- Mục đích sử dụng rừng:.....

- Hình thức:.....

- Thời hạn sử dụng:.....

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ

1. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá:.....

2. Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá, mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:

- Đối tượng:.....

- Điều kiện được tham gia đấu giá:.....

- Mức phí tham gia đấu giá:.....

- Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:.....

3. Hình thức và phương thức tổ chức đấu giá

- Hình thức tổ chức đấu giá:.....

- Phương thức tổ chức đấu giá:.....

4. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

- Kinh phí thực hiện:.....

- Nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá:.....

5. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá:

- Dự kiến giá trị thu: - Đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả bán đấu giá.

6. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan xây dựng phương án đấu giá.

2. Tổ chức được lựa chọn thực hiện cuộc bán đấu giá.

3. Các cơ quan có liên quan.....

4. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN XÂY
DỰNG PHƯƠNG ÁN**

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)